

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG BẮC NINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG BẮC NINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301151486

**3. Ngày thành lập:** 12/10/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 28, phố Hoàng Tích Chù, Phường Ninh Xá, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0337997556

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất mô tô, xe máy                                                                                                              | 3091        |
| 2.  | Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật                                                                                          | 3092        |
| 3.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                          | 2610        |
| 4.  | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                   | 4541        |
| 5.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                 | 4542        |
| 6.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                               | 4543        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299        |
| 8.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                      | 4631        |
| 9.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                  | 4632        |
| 10. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                    | 4633        |
| 11. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                | 4641        |
| 12. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                  | 4649        |
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                              | 4653        |
| 14. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                     | 4659        |
| 15. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                             | 4663        |
| 16. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                   | 4669        |
| 17. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                              | 4620        |
| 18. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                   | 4101(Chính) |
| 19. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                             | 4102        |
| 20. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                       | 4211        |

|     |                                                                                       |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Xây dựng công trình đường bộ                                                          | 4212 |
| 22. | Xây dựng công trình điện                                                              | 4221 |
| 23. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                   | 4222 |
| 24. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                    | 4223 |
| 25. | Xây dựng công trình công ích khác                                                     | 4229 |
| 26. | Xây dựng công trình thủy                                                              | 4291 |
| 27. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                       | 4292 |
| 28. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                 | 4293 |
| 29. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                            | 4299 |
| 30. | Phá dỡ                                                                                | 4311 |
| 31. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                     | 4312 |
| 32. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                 | 4321 |
| 33. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                 | 4322 |
| 34. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                        | 4329 |
| 35. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                        | 4330 |
| 36. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                   | 4390 |
| 37. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 6810 |
| 38. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                     | 6820 |
| 39. | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                        | 1701 |
| 40. | Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa                                   | 1702 |
| 41. | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu                      | 1709 |
| 42. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                          | 2220 |
| 43. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                       | 0810 |
| 44. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                        | 1410 |
| 45. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                      | 1420 |
| 46. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                  | 1430 |
| 47. | Sản xuất giày, dép                                                                    | 1520 |
| 48. | Đại lý du lịch                                                                        | 7911 |
| 49. | Điều hành tua du lịch                                                                 | 7912 |
| 50. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch   | 7990 |
| 51. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                             | 5510 |
| 52. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                      | 5610 |
| 53. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng              | 5621 |
| 54. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                  | 5629 |

|     |                         |      |
|-----|-------------------------|------|
| 55. | Dịch vụ phục vụ đồ uống | 5630 |
|-----|-------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN TUẤN CƯỜNG    | Tổ 6, Phường Giang Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông         | 1.000.000  | 10.000.000.000        | 10,000    | 001073003399                                                                                |         |
|     |                      |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      | Tổng số                   | 1.000.000  | 10.000.000.000        | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | ĐINH THỊ PHƯƠNG LINH | 27 Lý Chiêu Hoàng, Phường Suối Hoa, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam      | Cổ phần phổ thông         | 7.000.000  | 70.000.000.000        | 70,000    | 125823430                                                                                   |         |
|     |                      |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      | Tổng số                   | 7.000.000  | 70.000.000.000        | 70,000    |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

Thời gian đăng từ ngày 12/10/2020 đến ngày 11/11/2020

|   |                |                                                                          |                           |           |                |        |           |
|---|----------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------|----------------|--------|-----------|
| 3 | NGUYỄN VĂN MÙI | Thôn Hoàng Kênh, Xã Trung Kênh, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 2.000.000 | 20.000.000.000 | 20,000 | 125369333 |
|   |                |                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |           |
|   |                |                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |           |
|   |                |                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |           |
|   |                |                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |           |
|   |                |                                                                          | Tổng số                   | 2.000.000 | 20.000.000.000 | 20,000 |           |
|   |                |                                                                          |                           |           |                |        |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN MÙI

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 08/02/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125369333

Ngày cấp: 14/10/2011

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Hoàng Kênh, Xã Trung Kênh, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Hoàng Kênh, Xã Trung Kênh, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh